

CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX  
(BECAMEX ACC)  
Số: 02/2016/CBTT

ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
\*\*\*

Ngày 05 tháng 02 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HỒ CHÍ MINH.**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Mã chứng khoán: ACC

Địa chỉ trụ sở chính: Lô D\_3\_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3567.200

Fax: 0650.3567.201

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Nguyễn Hồng Tuyên**, Chức vụ: Tổng giám đốc

Địa chỉ: Lô D\_3\_CN, Đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0650.3567.200

Fax: 0650.3567.201

Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

**Công bố thông tin "Báo cáo tài chính quý IV/2015" và "Báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2015"**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày .05.../02./2016 tại đường dẫn: [www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong](http://www.becamexacc.com.vn/vi/quan-he-co-dong).

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**



**NGUYỄN HỒNG TUYÊN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX  
MÃ CHỨNG KHOÁN: ACC**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2015**

**TRỤ SỞ CHÍNH:**

- Trụ sở: Lô D\_3\_CN, Đường N7 – KCN Mỹ Phước – phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát – tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : 0650.3567200
- Fax : 0650.3567201
- Email : [becamexacc@gmail.com](mailto:becamexacc@gmail.com)
- Website : [www.becamexacc.com.vn](http://www.becamexacc.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

**Lô D\_3\_CN, đường N7, KCN Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>2-5</b>
<b>3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>6-7</b>
<b>4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>8-9</b>
<b>5. Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015</b>	<b>10-39</b>
<b>6. Phụ lục</b>	<b>40-43</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>262,982,946,284</b>	<b>249,492,149,720</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>55,548,991,201</b>	<b>39,481,629,482</b>
1. Tiền	111		44,548,991,201	33,481,629,482
2. Các khoản tương đương tiền	112		11,000,000,000	6,000,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>128,097,400,130</b>	<b>165,423,545,443</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	127,585,471,314	165,233,318,975
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	615,878,726	332,464,696
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	282,423,007	337,504,785
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(386,372,917)	(479,743,013)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>76,815,814,647</b>	<b>40,410,214,010</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	76,896,188,439	40,503,939,943
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(80,373,792)	(93,725,933)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2,520,740,306</b>	<b>4,176,760,785</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	2,336,215,816	3,483,331,437
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		44,912,884	562,350,581
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		139,611,606	131,078,767
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>80,236,151,588</b>	<b>85,937,584,272</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2,043,572,400</b>	<b>2,043,572,400</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		2,043,572,400	2,043,572,400
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>51,668,084,488</b>	<b>55,897,092,465</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	37,007,124,509	40,280,743,929
- Nguyên giá	222		166,443,286,846	158,516,444,751
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129,436,162,337)	(118,235,700,822)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	14,660,959,979	15,616,348,536
- Nguyên giá	228		23,745,883,946	21,982,406,882
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(9,084,923,967)	(6,366,058,346)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>166,256,138</b>	<b>-</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	166,256,138	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>24,903,263,918</b>	<b>26,547,500,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	26,547,500,000	26,547,500,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1,644,236,082)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,454,974,644</b>	<b>1,449,419,407</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7	1,003,375,085	759,293,238
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	451,599,559	690,126,169
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>343,219,097,872</b>	<b>335,429,733,992</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kê toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>109,781,706,332</b>	<b>111,323,361,257</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>108,186,536,259</b>	<b>108,629,160,912</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	79,126,649,745	87,284,855,314
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	941,777,150	1,770,079,839
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	6,767,950,596	6,024,951,456
4. Phải trả người lao động	314	V.16	2,858,274,435	2,917,233,103
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	1,223,805,559	2,294,584,501
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	2,602,371,305	2,199,206,556
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	14,187,197,740	4,093,527,934
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	478,509,729	2,044,722,209
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,595,170,073</b>	<b>2,694,200,345</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	-	1,248,497,712
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	1,595,170,073	1,445,702,633
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>233,437,391,540</b>	<b>224,106,372,735</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>233,437,391,540</b>	<b>224,106,372,735</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	100,000,000,000	100,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		100,000,000,000	100,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	1,527,143,181	1,527,143,181
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	V.22	-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9,055,511,950	9,055,511,950
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22	53,275,889,881	52,868,558,513
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	44,522,313,798	36,546,304,379
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7,310,003,665	36,546,304,379
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		37,212,310,133	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	25,056,532,730	24,108,854,712
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>343,219,097,872</b>	<b>335,429,733,992</b>

Bình Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2016



Vân Thị Anh Đào  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Vân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tuyên  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Đơn vị tính: VND)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lợi kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	125,002,692,968	135,306,437,331	350,198,838,994	344,526,789,455
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	-	17,561,700	133,699,936	31,394,700
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		125,002,692,968	135,288,875,631	350,065,139,058	344,495,394,755
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	96,465,690,838	114,325,251,041	261,666,595,482	281,779,847,521
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		28,537,002,130	20,963,624,590	88,398,543,576	62,715,547,234
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	78,569,193	2,503,853,538	561,789,239	6,171,278,086
7. Chi phí tài chính	22		1,644,236,082	10,233,820	1,984,382,186	10,233,820
Trong đó: chi phí lãi vay	23			10,233,820	340,146,104	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	4,832,722,862	3,743,331,550	20,909,607,257	11,935,805,174
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5,368,698,692	4,795,504,863	19,152,408,751	14,118,188,675
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16,769,913,687	14,918,407,895	46,913,934,621	42,822,597,651
12. Thu nhập khác	31	VI.7	291,248,869	110,407,697	668,491,331	1,000,477,412
13. Chi phí khác	32	VI.8	101,089,506	6,000,088	504,322,571	22,456,640
14. Lợi nhuận khác	40		190,159,363	104,407,609	164,168,760	978,020,772
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16,960,073,050	15,022,815,504	47,078,103,381	43,800,618,423

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 4		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51 V.15	1,612,632,926	1,312,673,700	6,077,941,553	4,586,506,688
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	(23,907,120)	238,526,610	(69,060,925)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	15,347,440,124	13,734,048,924	40,761,635,218	39,283,172,660
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	15,287,578,917	13,444,956,487	37,768,507,572	37,998,129,168
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	59,861,207	289,092,437	2,993,127,646	1,285,043,492
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70 V.10a, b	1,299	1,142	3,208	2,793
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71 V.10a, b	1,299	1,142	3,208	2,793

Bình Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2016



  
Nguyễn Thị Thủy Vân  
Kế toán trưởng

  
Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu

Nguyễn Hồng Tuyên  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		51,728,283,378	28,777,802,919
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	14,664,461,634	8,583,866,130
- Các khoản dự phòng	03		1,686,981,285	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5,243,330,885)	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		335,592,912	(4,234,008,550)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63,171,988,324	33,127,660,499
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		38,567,720,967	46,451,428,659
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(36,391,803,546)	(10,506,034,995)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(12,290,084,480)	3,839,466,097
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		903,033,774	(295,160,924)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(340,146,104)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(5,750,479,650)	(2,641,195,022)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6,132,952,462)	(4,245,054,346)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>41,737,276,823</b>	<b>65,731,109,968</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8,9	(10,601,709,795)	(1,968,142,038)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		252,727,273	1,454,545,455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(9,616,500,000)	(58,569,512,893)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9,000,000,000	2,239,800,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4,990,603,612	1,016,022,222
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5,974,878,910)</b>	<b>(55,827,287,254)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	23,943,160,425	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(13,849,490,619)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.22	(29,788,706,000)	(29,993,310,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(19,695,036,194)</b>	<b>(29,993,310,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>16,067,361,719</b>	<b>(20,089,487,286)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>39,481,629,482</b>	<b>50,969,275,532</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.1	<b>55,548,991,201</b>	<b>30,879,788,246</b>

Bình Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2016



Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thúy Vân  
Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Tuyên  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty cổ phần bê tông Becamex bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cổ phần bê tông Becamex (công ty mẹ) và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần bê tông Becamex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 1. Lĩnh vực kinh doanh :

Lĩnh vực kinh doanh của Tập Đoàn trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh :

Sản xuất kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông nhựa nóng, bê tông xi măng các loại; Kinh doanh công bê tông cốt thép, bê tông xi măng, bê tông nhựa nóng, cầu kiện đúc sẵn, vật liệu xây dựng; Thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật; Thi công cầu kiện đúc sẵn; Dịch vụ cầu, vận chuyển hàng hóa; Cho thuê xe máy, thiết bị; Khai thác khoáng sản; Cát tạo dáng và hoàn thiện đá.

#### 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

#### 4. Cấu trúc tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

#### 4a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

#### 4b. Danh sách các công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Khai thác khoáng sản	74,66%	74,66%	74,66%	74,66%
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	ấp Tân Thịnh, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	60%	60%	60%	60%

#### 5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Tập đoàn áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Tập đoàn và Tập đoàn đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng của cùng kỳ năm trước.

#### **6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 424 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 365 nhân viên).

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Các Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

#### **1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### **2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **3. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá gốc của hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **5. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

##### ***Chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế***

Các chi phí vật tư, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

##### ***Chi phí vận chuyển đá***

Chi phí vận chuyển đá được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

##### ***Các chi phí trả trước ngắn hạn khác***

Các chi phí trả trước ngắn hạn khác bao gồm chi phí bảo hiểm, quảng cáo, đồng phục cho nhân viên, sửa chữa... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

##### ***Chi phí giải phóng mặt bằng khai thác đá khối***

Chi phí giải phóng mặt bằng khai thác đá khối được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 02 năm.

##### ***Chi phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản***

Chi phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giấy phép khai thác khoáng sản là 05 năm.

##### ***Chi phí bản quyền phần mềm***

Chi phí phần mềm diệt virus Kaspersky được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### ***Các chi phí trả trước dài hạn khác***

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí thiết kế, thẩm định khuôn công cụ, sửa chữa hàng rào, chi phí dịch vụ internet, chi phí bảo trì thiết bị trạm biến áp ... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-15
Máy móc và thiết bị	02-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-08
Tài sản cố định hữu hình khác	06

#### 7. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Tập đoàn trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất (42 năm).

##### ***Tiêu chuẩn kỹ thuật công***

Chi phí cho các hoạt động triển khai liên quan đến việc ứng dụng những kết quả nghiên cứu tiêu chuẩn kỹ thuật công vào để sản xuất sản phẩm công các loại. Chi phí này được khấu hao trong 08 năm.

##### ***Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá***

Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá... để tiến hành khai thác mỏ đá. Chi phí này được khấu hao theo thời gian của giấy phép khai thác khoáng sản.

##### ***Quyền khai thác khoáng sản***

Nguyên giá ban đầu của quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã xây dựng được phép khai thác từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến thời hạn theo giấy phép (có thể được điều chỉnh sản lượng theo thực tế hoặc gia hạn thời gian giấy phép). Chi phí này được khấu hao theo sản lượng khai thác thực tế trong năm.

##### ***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao như sau:

<u>Loại phần mềm máy tính</u>	<u>Số năm</u>
-------------------------------	---------------

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Phần mềm kế toán doanh nghiệp	08
Website ACC	02
Chương trình sản xuất kinh doanh	05

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 10. Dự phòng phải trả

Dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Tập đoàn là dự phòng cho việc cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác khoáng sản. Khoản dự phòng này được trích theo số tiền ký quỹ mà Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương đã thông báo, chi phí này được trích theo phương pháp đường thẳng suốt thời gian khai thác. Khi cải tạo, phục hồi môi trường xong, khoản dự phòng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

#### 11. Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thẳng dư vốn cổ phần.

### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

## **12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của từng công ty trong Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## **13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **14. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

#### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

#### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **21. Công cụ tài chính**

##### ***Tài sản tài chính***

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### ***Nợ phải trả tài chính***

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### ***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	340.578.484	128.742.605
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	44.208.412.717	33.352.886.877
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>55.548.991.201</u></b>	<b><u>39.481.629.482</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Các khoản phải thu khách hàng khác	12.825.184.225	16.918.058.498
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
<b>c. Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>		
Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - TNHH Một thành viên	32.554.220.739	121.720.757.962
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	53.712.792.650	1.719.347.782
Công ty Cổ Phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	22.038.392.713	9.562.412.740
Công ty TNHH một thành viên cấp thoát nước - môi trường Bình Dương		87.728.061
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	4.373.143.490	14.176.925.576
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex	-	2.150.005
Công ty Cổ Phần Phát Triển Đô Thị	127.691.706	
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	477.401.383	1.045.938.351
Công ty cổ phần Đạt Hùng Thịnh	1.476.644.408	
<b>Cộng</b>	<b><u>127.585.471.314</u></b>	<b><u>165.233.318.975</u></b>

**Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán:**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>		Thời gian quá hạn
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	
Công ty TNHH XD - TM - DV xuất nhập khẩu Tân Hùng Phát	173.194.526	173.194.526	173.194.526	173.194.526	50 tháng
Công ty TNHH TM - DV - XD Lộc Hoàng Gia	95.089.291	95.089.291	95.089.291	95.089.291	59,5 tháng
Công ty TNHH TM - XD cầu đường Trương Hoàng Long	189.298.335	189.298.335	189.298.335	189.298.335	26 tháng
Doanh nghiệp tư nhân Đại Tuấn Thành	19.362.988	19.362.988			29 tháng
Công ty TNHH TV XD SX	9.885.840	9.885.840			37,5 tháng

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Thời gian quá hạn
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
TM DV Nhật Minh Quang					
<b>Cộng</b>	<b>486.830.980</b>	<b>486.830.980</b>	<b>457.582.152</b>	<b>457.582.152</b>	

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần phần mềm Bravo		84.750.000
Công ty TNHH kỹ thuật Đồng Thuận Phát	180.125.000	
Công ty TNHH xây lắp Nhơn Nghĩa Thành	63.525.000	
Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C	129.250.000	149.000.000
Cửa Hàng Điện Hà Thi	49.000.000	
Công ty TNHH Minh Long I		44.467.500
Công ty Cổ Phần Vật Liệu Xây Dựng Becamex.	56.106.650	
Công ty TNHH sản xuất thương mại Tân Quốc Hưng	88.440.000	
Các khách hàng khác	49.432.076	54.247.196
<b>Cộng</b>	<b>615.878.726</b>	<b>332.464.696</b>

**4. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a) Phải thu ngắn hạn khác</b>		
<b>Phải thu các bên liên quan</b>		
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Tạm ứng	257.222.152	142.620.937
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt (xem thuyết minh số V.20)		121.653.867
Các khoản phải thu khác	25.200.855	73.229.981
<b>Cộng</b>	<b>282.423.007</b>	<b>337.504.785</b>
<b>b) Phải thu dài hạn khác</b>		
Tiền ký quỹ phục hồi môi trường	2.043.572.400	2.043.572.400
<b>Cộng</b>	<b>2.043.572.400</b>	<b>2.043.572.400</b>

**5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm		(56.789.501)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	(94.649.168)	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	(13.554.092)	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên	(278.169.657)	(422.953.512)
<b>Cộng</b>	<b>(386.372.917)</b>	<b>(479.743.013)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	(479.743.013)
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập trong kỳ	93.370.096
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(386.372.917)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	14.274.377.395		13.667.300.971	
Công cụ, dụng cụ	222.710.702		67.336.689	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	33.356.627.397		9.485.246.937	
Thành phẩm	28.786.177.784	(80.373.792)	17.192.157.567	(93.725.933)
Hàng hóa	69.657.424		37.591.759	
Hàng gửi đi bán	186.637.737		54.306.020	
<b>Cộng</b>	<b>76.896.188.439</b>	<b>(80.373.792)</b>	<b>40.503.939.943</b>	<b>(93.725.933)</b>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số đầu năm	(93.725.933)	(93.725.933)
Hoàn nhập dự phòng	13.352.141	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>(80.373.792)</b>	<b>(93.725.933)</b>

**7. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế	1.663.702.829	3.012.401.490
Chi phí dịch vụ vận chuyển đá	-	267.084.945
Vỡ xe	274.424.173	
Khác	398.088.814	203.845.002
<b>Cộng</b>	<b>2.336.215.816</b>	<b>3.483.331.437</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ	695.302.433	277.824.652
Chi phí gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và cải tạo môi trường		94.122.500
Chi phí bản quyền phần mềm		50.814.664
Chi phí giải phóng mặt bằng khai thác đá khối	109.366.910	263.584.142
Khác	198.705.742	72.947.280
<b>Cộng</b>	<b>1.003.375.085</b>	<b>759.293.238</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	20.111.499.342	92.030.822.082	44.200.520.785	1.829.836.361	343.766.181	158.516.444.751
Mua sắm mới	460.620.079	925.316.000	6.184.100.000			7.570.036.079
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	856.281.102	245.659.412				1.101.940.514
Thanh lý, nhượng bán			637.650.620			(637.650.620)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(11.813.105)	(43.115.620)		(52.555.153)		(107.483.878)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>21.416.587.418</b>	<b>93.054.681.874</b>	<b>49.850.970.165</b>	<b>1.777.281.208</b>	<b>343.766.181</b>	<b>166.443.286.846</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	839.933.946	38.355.308.021	22.485.275.611	290.211.749		61.970.729.327
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	10.749.191.953	71.740.908.513	34.535.285.796	1.087.794.976	122.519.584	118.235.700.822
Khấu hao trong kỳ	2.018.348.519	6.936.975.577	2.757.172.928	180.683.115	52.415.874	11.945.596.013
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(637.650.620)	-	-	(637.650.620)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(11.813.105)	(43.115.620)		(52.555.153)		(107.483.878)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>12.755.727.367</b>	<b>78.634.768.471</b>	<b>36.654.808.103</b>	<b>1.215.922.938</b>	<b>174.935.458</b>	<b>129.436.162.337</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	9.362.307.389	20.289.913.569	9.665.234.989	742.041.385	221.246.597	40.280.743.929
Số cuối kỳ	8.660.860.051	14.419.913.403	13.196.162.062	561.358.270	168.830.723	37.007.124.509
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 32.826.512.659 VND và 5.797.133.087 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

#### 9. Tài sản cố định vô hình

	Tiêu chuẩn kỹ thuật công	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Quyền khai thác khoáng sản	Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	542.840.908	605.759.800	11.769.135.713	6.242.488.560	2.822.181.901	21.982.406.882
Mua trong kỳ	59.090.909	244.500.000		1.459.886.155		1.763.477.064
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>601.931.817</b>	<b>850.259.800</b>	<b>11.769.135.713</b>	<b>7.702.374.715</b>	<b>2.822.181.901</b>	<b>23.745.883.946</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	174.659.090	70.610.000				245.269.090

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Tiêu chuẩn kỹ thuật công</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Quyền khai thác khoáng sản</u>	<u>Chi phí khảo sát, thiết kế, thăm dò trữ lượng đá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	376.755.220	268.077.043	1.771.375.017	1.127.669.165	2.822.181.901	6.366.058.346
Khấu hao trong kỳ	82.823.231	104.900.330	246.858.288	2.284.283.772		2.718.865.621
Số cuối kỳ	<u>459.578.451</u>	<u>372.977.373</u>	<u>2.018.233.305</u>	<u>3.411.952.937</u>	<u>2.822.181.901</u>	<u>9.084.923.967</u>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	166.085.688	337.682.757	9.997.760.696	5.114.819.395		15.616.348.536
Số cuối kỳ	<u>142.353.366</u>	<u>477.282.427</u>	<u>9.750.902.408</u>	<u>4290421778</u>		<u>14.660.959.979</u>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Dang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm tài sản cố định	-	3.360.227.273	(3.360.227.273)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	648.948.499	(482.692.361)	-	166.256.138
Cộng	-	<u>4.009.175.772</u>	<u>(3.842.919.634)</u>	-	<u>166.256.138</u>

**11. Đầu tư tài chính dài hạn**

V)	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	56.750.851.200	-	38.076.600.000	47.134.351.200	-	28.221.480.000
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex <sup>(i)</sup>	47.134.351.200	-	40.316.400.000	47.134.351.200	-	28.221.480.000
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình <sup>(ii)</sup>	9.616.500.000	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	26.547.500.000	-	-	26.547.500.000	-	-
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước <sup>(ii)</sup>	24.900.000.000	1.644.236.082	-	24.900.000.000	-	-
Công ty cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương <sup>(iii)</sup>	1.647.500.000	-	-	1.647.500.000	-	-
Cộng	<u>81.654.115.118</u>	<u>1.644.236.082</u>	<u>-</u>	<u>73.681.851.200</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần khoáng sản Becamex 4.479.600 cổ phiếu, chiếm 74,66% vốn điều lệ.
- (ii) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình 900.000 cổ phiếu, chiếm 60% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700696042 ngày 06 tháng 6 năm 2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 23 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước 2.490.000 cổ phiếu, tương đương 12,45% vốn điều lệ.
- (iv) Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cổ phần xây dựng giao thông thủy lợi Bình Dương 65.900 cổ phiếu, chiếm 10,98% vốn điều lệ.

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể.

#### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

## 12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Các chi phí phải trả	372.071.590	(254.968.029)	117.103.561
Dự phòng phải trả dài hạn	318.054.579	16.441.419	334.495.998
<b>Cộng</b>	<b>690.126.169</b>	<b>(238.526.610)</b>	<b>451.599.559</b>

## 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>76.945.725.465</b>	<b>76.945.725.465</b>	<b>80.506.077.832</b>	<b>80.506.077.832</b>
Công ty TNHH Cung Ứng Nhựa Đường (ADCo)	10.689.164.200	10.689.164.200	15.267.498.800	15.267.498.800
Công ty CP TM và XNK Vật Tư Giao Thông (Tratimex)	10.585.791.700	10.585.791.700	3.690.492.300	3.690.492.300
Công ty TNHH Một Thành Viên Văn Tiến Nghĩa.	8.051.596.516	8.051.596.516		
Công ty TNHH XD DV xăng dầu Thành Lợi	894.412.228	894.412.228		
Công ty TNHH TM DV vận tải Thịnh Tiến Phát	3.276.150.518	3.276.150.518		
Công ty TNHH nhựa đường Puma Energy Việt Nam	1.453.105.500	1.453.105.500	18.906.068.500	18.906.068.500
CN Nhựa Đường SG - CTy TNHH Nhựa Đường Petrolimex	10.242.006.500	10.242.006.500		

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty TNHH MTV TM - DV Văn Thanh HTX vận tải - xây dựng & cầu đường Thanh Long	352.190.006	352.190.006		
Phải trả cho các đối tượng khác	278.517.800	278.517.800	42.642.018.232	42.642.018.232
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>2.180.924.280</b>	<b>2.180.924.280</b>	<b>6.778.777.482</b>	<b>6.778.777.482</b>
Tổng Công Ty Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp - TNHH MTV	1.039.442.429	1.039.442.429	2.946.120.214	2.946.120.214
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	775.841.837	775.841.837	3.822.228.638	3.822.228.638
Công ty Cổ Phần Công Nghệ & Truyền Thông Việt Nam	105.725.000	105.725.000		
Công ty Cổ Phần Thẻ Thao- Bóng Đá Bình Dương	174.400.000	174.400.000		
Công ty cổ phần Đạt Hùng Thịnh	31.050.014	31.050.014		
Công ty vật liệu xây dựng Becamex			2.478.630	2.478.630
Công ty Cổ Phần Xi Măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	54.465.000	54.465.000	7.950.000	7.950.000
<b>Cộng</b>	<b>79.126.649.745</b>	<b>79.126.649.745</b>	<b>87.284.855.314</b>	<b>87.284.855.314</b>

**14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thanh Lễ - TNHH MTV	468.665.910	468.665.910
Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Tân Bình	-	473.873.000
Công ty Cổ Phần đầu tư xây dựng Đại Việt	4.979.853	-
Công ty Cổ Phần đầu tư xây dựng Cao Su	39.160.600	-
Công ty TNHH Hùng Vương - Bình Phước	78.901.716	-
Công ty TNHH Chấn Dương	-	237.674.880
Công ty TNHH MTV Hiệp Thương 1	22.701.980	-
Công ty TNHH Tư Vấn Xây Dựng Phước Trường	176.975.922	-
Khách hàng khác	150.391.169	589.866.049
<b>Cộng</b>	<b>941.777.150</b>	<b>1.770.079.839</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.606.630.010	(422.554.200)	11.183.886.023	(10.265.816.171)	2.102.145.662	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.424.052.739	(125.585.916)	6.077.941.553	(5.985.720.017)	1.524.006.549	(133.318.190)
Thuế thu nhập cá nhân	135.908.611	(794.538)	471.905.975	(536.333.657)	76.979.807	(6.293.416)
Thuế tài nguyên	280.143.637		2.701.317.679	(2.705.181.616)	276.279.700	
Các loại thuế khác			3.000.000	(3.000.000)		
Phí, lệ phí	2.578.216.459			(3.285.080.185)	2.788.538.878	

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
và các khoản phải nộp khác (i)			3.495.402.604			
	<u>6.024.951.456</u>	<u>(548.934.654)</u>	<u>23.933.453.834</u>	<u>(22.781.131.646)</u>	<u>6.767.950.596</u>	<u>(139.611.606)</u>

- (i) Trong đó, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã nộp trong kỳ là 2.496.955.000 VND và số còn phải nộp trước ngày 31 tháng 3 năm 2016 là 1.240.577.490 VND.

### **Thuế giá trị gia tăng**

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% do có tổng doanh thu năm không quá 20 tỷ VND theo hướng dẫn tại Thông tư 141/2013/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Ngoài ra, đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng các loại; công bê tông cốt thép các loại; bê tông xi măng các loại; thi công, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình công cộng, công trình hạ tầng kỹ thuật, Công ty cổ phần bê tông Becamex có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên lợi nhuận thu được trong 12 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động kinh doanh và thuế suất hiện hành trên thu nhập chịu thuế cho thời gian còn lại. Công ty cổ phần bê tông Becamex được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo. Năm 2008, là năm đầu tiên Công ty cổ phần bê tông Becamex hoạt động kinh doanh có lãi nhưng do thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh dưới 12 tháng nên Công ty cổ phần bê tông Becamex đăng ký với cơ quan thuế tính thời gian miễn, giảm thuế từ năm 2009.

Thu nhập khác của Công ty cổ phần bê tông Becamex và thu nhập của Công ty cổ phần khoáng sản Becamex phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tập đoàn dự tính như sau:

	<b>Quý 4</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần bê tông Becamex	1.522.632.374	1.144.180.852
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	89.421.026	27.336.258
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	579.526	141.156.590
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<u><b>1.612.632.926</b></u>	<u><b>1.312.673.700</b></u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông sẽ giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

##### Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác. Thuế suất và đơn giá tính thuế tài nguyên như sau:

	<u>Thuế suất</u>	<u>Đơn giá /m<sup>3</sup></u>
- Khai thác đá, sỏi	7%	110.000VND
- Khai thác đất	4%	20.000VND

##### Các loại thuế khác và các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

#### 16. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả công nhân viên	2.759.233.948	2.849.742.918
Phải trả người lao động theo hợp đồng thời vụ	99.040.487	67.490.185
<b>Cộng</b>	<b>2.858.274.435</b>	<b>2.917.233.103</b>

#### 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả các bên liên quan</b>		
Tổng công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH MTV- chi phí vận chuyển đá thành phẩm Công ty cổ phần Khoáng Sản Becamex		595.645.189
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Chi phí dịch vụ		216.305.000
Chi phí cửa đá	118.400.000	
Chi phí quảng cáo	16.290.911	
Chi phí quà tặng	100.000.000	
Chi phí cước đá	43.833.000	-
Lương bổ sung		-
Chi phí vận chuyển	5.875.200	79.934.000
Phí kiểm toán	182.000.000	-
Chi phí khuyến mãi		82.000.000
Chi phí sửa chữa		492.700.000
Chi phí phải trả khác	757.406.448	828.000.312
<b>Cộng</b>	<b>1.223.805.559</b>	<b>2.294.584.501</b>

#### 18. Phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	226.089.112	264.519.853
Nhận ký quỹ ngắn hạn	65.000.000	57.000.000
Chi phí duy tu, bảo dưỡng xe	1.142.800.073	481.486.715
Cổ tức phải trả	67.845.000	56.551.000
Vật tư, phụ tùng tạm nhập	111.839.692	122.939.692
Phải trả tiền bảo đảm hợp đồng		674.401.589
Lãi vay phải trả		10.233.820
Tài sản thừa chờ xử lý		28.227.285
Thủ lao HDQT	44.939.619	

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a) Phải trả ngắn hạn khác</b>		
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Các khoản phải trả khác	943.857.809	503.846.602
<b>Cộng</b>	<b>2.602.371.305</b>	<b>2.199.206.556</b>
<b>b) Phải trả dài hạn khác</b>		
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	1.248.497.712
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.248.497.712</b>

**19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động (10.537.753.140 lãi suất 7%/năm; 3.649.444.600 lãi suất 7,5%/năm). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định (xem thuyết minh số V.8).

*Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn như sau:*

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Trong kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn	14.187.197.740	-	23.943.160.425	13.849.490.619	4.093.527.934	4.093.527.934
<b>Cộng</b>	<b>14.187.197.740</b>	<b>-</b>	<b>23.943.160.425</b>	<b>13.849.490.619</b>	<b>4.093.527.934</b>	<b>4.093.527.934</b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	1.693.776.188	3.977.436.619	(5.211.903.078)	459.309.729
Quỹ phúc lợi	68.273.770	749.426.230	(798.500.000)	19.200.000
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	161.018.384		(161.018.384)	
<b>Cộng</b>	<b>1.923.068.342</b>	<b>4.726.862.849</b>	<b>(6.171.421.462)</b>	<b>478.509.729</b>

**21. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến chi phí cải tạo phục hồi môi trường. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	1.445.702.633
Tăng do trích lập	149.467.440
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.595.170.073</b>

**22. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

*Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------



**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	73.367.040.000	73.367.040.000
Các cổ đông khác	26.632.960.000	26.632.960.000
<b>Cộng</b>	<b><u>100.000.000.000</u></b>	<b><u>100.000.000.000</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>10.000.000</i>	<i>10.000.000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ Tập đoàn đã chia cổ tức năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 23 tháng 4 năm 2015 với số tiền là 25.000.000.000 VND.

**23. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

<b>Số đầu năm</b>	<b>24.108.854.712</b>
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.993.127.646
Giảm do chia cổ tức	(1.516.320.000)
Giảm do trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(529.129.628)
Giảm khác	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>25.056.532.730</u></b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Quý 4	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>a. Doanh thu</b>	<b>125.002.692.968</b>	<b>135.306.437.332</b>
- <i>Doanh thu bán thành phẩm công, cấu kiện</i>	<i>23.304.032.952</i>	<i>15.504.711.154</i>
- <i>Doanh thu thi công công trình</i>	<i>91.059.065.818</i>	<i>105.546.249.086</i>
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ, hàng hóa</i>	<i>1.177.179.582</i>	<i>1.182.993.346</i>
- <i>Doanh thu thành phẩm đá</i>	<i>9.462.414.616</i>	<i>13.072.483.746</i>
<b>b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>cho các bên liên quan</i>		
<b>Tổng Công Ty Đầu Tư Và Phát Triển Công Nghiệp - TNHH MTV</b>		
Bán thành phẩm công, CKBTĐS	9.188.861.845	19.712.792.950
Bán thành phẩm đá ốp lát		
Cung cấp dịch vụ	92.789.230	128.528.747
Bán hàng hóa	14.847.680	82.524.980
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	4.721.450.382	73.932.050.845
<b>Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương</b>		
Bán thành phẩm, cung cấp đá	4.184.436.080	85.810.000
Bán hàng hóa	34.553.400	10.120.500
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	497.514.419	1.578.127.976
<b>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</b>		
Bán thành phẩm	6.487.755.825	3.028.172.608
Bán hàng hóa	2.233.600	2.040.000
<b>Công ty cổ phần khoáng sản Becamex</b>		
Bán thành phẩm	2.406.800	
<b>Công ty cổ phần Bê tông Becamex</b>		
Bán thành phẩm	454.512.834	
<b>Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật</b>		
Bán thành phẩm	34.210.620	-
Bán hàng hóa	162.926.400	87.278.000
Cung cấp dịch vụ thi công công trình	75.795.375.287	1.586.629.936
<b>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</b>		
Cung cấp dịch vụ	7.536.745	1.954.550
<b>Công ty TNHH MTV cấp nước và môi trường Bình Dương</b>		
Bán hàng hóa	393.900	3.328.400
Bán thành phẩm	5.866.400	142.472.400
Cung cấp dịch vụ thi công công trình		12.264.760
<b>Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình</b>		
Bán đá nguyên liệu	211.096.633	
<b>Công ty cổ phần Đạt Hùng Thịnh</b>		
Bán đá ốp lát thành phẩm	340.215.900	
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

Hàng bán bị trả lại		(17.561.700)
<b>3. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Quý 4</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	16.466.476.688	11.896.599.569
Giá vốn của thi công công trình	73.913.956.629	91.603.834.163
Giá vốn của dịch vụ, hàng hóa đã cung cấp	802.400.069	868.868.366
Giá vốn sản xuất đã	5.282.857.452	9.955.948.943
<b>Cộng</b>	<b>96.465.690.838</b>	<b>114.325.251.041</b>
<b>4. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Quý 4</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	42.166.667	480.000.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	36.402.526	31.853.538
Cổ tức bệnh viện Mỹ Phước		1.992.000.000
<b>Cộng</b>	<b>78.569.193</b>	<b>2.503.853.538</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>	<b>Quý 4</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	895.575.879	1.093.489.882
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	739.198.388	870.783.362
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.311.034	28.681.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.820.599.999	1.478.385.107
Chi phí khác	362.037.562	271.991.499
<b>Cộng</b>	<b>4.832.722.862</b>	<b>3.743.331.550</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>Quý 4</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí cho nhân viên	2.898.156.353	2.475.397.155
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	301.353.208	154.457.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	348.508.959	294.328.873
Hoàn nhập dự phòng	-93.370.096	(304.683.712)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.125.353.687	1.768.309.395
Chi phí khác	788.696.581	407.695.797
<b>Cộng</b>	<b>5.368.698.692</b>	<b>4.795.504.863</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>	<b>Quý 4</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	45.479.855	
Thu nhập từ bán điện	129.090.909	115.762.570
Thu tiền bán mù cao su	-	26.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Thu nhập khác	116.678.105	(31.354.873)
<b>Cộng</b>	<b>291.248.869</b>	<b>110.407.697</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>Quý 4</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn tiền điện	94.085.089	
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định		
Chi phí khác	7.004.417	6.000.088
<b>Cộng</b>	<b>101.089.506</b>	<b>6.000.088</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	<b>Quý 4</b>	
	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	15.287.578.917	13.444.956.487
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-2.300.780.627	-2.023.465.951
Lợi nhuận tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	12.986.798.290	11.421.490.536
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.299</b>	<b>1.142</b>

**10b. Thông tin khác**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước được tính toán lại do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Việc áp dụng qui định mới này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu cùng kỳ năm trước giảm từ 1.857 VND xuống còn 1.578 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Quý 4</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.607.616.584	85.870.634.063
Chi phí nhân công	10.198.118.895	8.969.373.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.807.847.061	3.716.951.085
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.004.824.375	9.279.060.630
Chi phí khác	2.629.771.902	2.634.818.982
<b>Cộng</b>	<b>103.248.178.817</b>	<b>110.470.838.581</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Nợ tiềm tàng

Thực hiện Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, ngày 13 tháng 6 năm 2014 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã ra Quyết định số 1359/QĐ-UBND về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đá xây dựng cho Công ty cổ phần khoáng sản Becamex. Theo đó tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Công ty cổ phần khoáng sản Becamex phải nộp cho trữ lượng khoáng sản đã khai thác trước đây từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 4.873.663.080 VND.

Ngày 20 tháng 01 năm 2014 Công ty cổ phần khoáng sản Becamex cùng các công ty khai thác khoáng sản tỉnh Bình Dương đã gửi văn bản đến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị không truy thu tiền cấp quyền khai thác từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Do kiến nghị này đang được Chính phủ xem xét giải quyết chưa có văn

bản trả lời cụ thể nên Tập đoàn chưa ghi nhận tiền nợ quyền khai thác khoáng sản từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty cổ phần bê tông Becamex và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Quý 4	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	697.787.200	680.345.829
Tiền thưởng	171.641.772	260.192.833
<b>Cộng</b>	<b>869.428.972</b>	<b>940.538.662</b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên	Công ty mẹ
Công ty cổ phần khoáng sản Becamex	Công ty con
Công ty cổ phần đá ốp lát An Bình	Công ty con
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xây dựng và giao thông Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển hạ tầng kỹ thuật	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần phát triển đô thị	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần bệnh viện Mỹ Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang – Becamex	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần tư vấn đầu tư xây dựng Việt	Công ty con của Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương
Công ty cổ phần Setia Becamex	Công ty liên kết của Tổng Công ty

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
	đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Quý 4</u> <u>Năm trước</u>
<b><i>Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp - TNHH một thành viên</i></b>		
Phí quản lý	64.725.488	61.610.357
Thuê đất	108.308.469	102.900.257
Thuê xe vận chuyển	720.410.459	
<b><i>Công ty cổ phần kinh doanh và phát triển Bình Dương</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	407.292.677	2.995.778.370
<b><i>Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Becamex</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	56.688.500	2.253.300
<b><i>Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	49.513.636	7.827.273
<b><i>Công ty Cổ Phần Công Nghệ và Truyền Thông Việt Nam</i></b>		
Thuê dịch vụ	62.750.000	4.500.000
<b><i>Công ty Cổ Phần Thể Thao- Bóng Đá Bình Dương</i></b>		
Thuê dịch vụ	145.333.334	
<b><i>Công ty Cổ phần khoáng sản Becamex</i></b>		
Mua nguyên vật liệu	436.331.016	482.946.040
Thuê dịch vụ	18.181.818	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại V.2, V.13

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

#### ***Lĩnh vực kinh doanh***

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

- Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm: sản xuất và kinh doanh ống cống thoát nước các loại.
- Lĩnh vực thi công công trình: trải thảm nhựa đường, thi công thảm bê tông xi măng, thi công sơn đường và lắp đặt cống.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa: mua bán vật liệu xây dựng và cho thuê xe, máy móc thiết bị.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở Phụ lục 02 đính kèm.

#### ***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Nam Việt Nam.

#### **4. Thông tin so sánh**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

#### **5. Quản lý rủi ro tài chính**

##### ***Tổng quan***

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các

kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

##### ***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

##### ***Phải thu khách hàng***

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### ***Tiền gửi ngân hàng***

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.548.991.201		55.548.991.201
Phải thu khách hàng	127.098.640.334	486.830.980	127.585.471.314
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.547.500.000		26.547.500.000
<b>Cộng</b>	<b>209.195.131.535</b>	<b>486.830.980</b>	<b>209.681.962.515</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.481.629.482	-	39.481.629.482
Phải thu khách hàng	164.621.067.128	612.251.847	165.233.318.975
Các khoản phải thu khác	16.370.000		16.370.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.547.500.000	-	26.547.500.000
<b>Cộng</b>	<b>230.666.566.610</b>	<b>612.251.847</b>	<b>231.278.818.457</b>

#### **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 01 năm trở xuống.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất là không đáng kể  
*Rủi ro về giá nguyên vật liệu*

Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

#### *Tài sản đảm bảo*

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 6. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

### *Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.548.991.201	-	39.481.629.482	-	55.548.991.201	39.481.629.482
Phải thu khách hàng	127.585.471.314	(386.372.917)	165.233.318.975	(386.372.917)	127.199.098.397	164.753.575.962
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	26.547.500.000	-	26.547.500.000	-	26.547.500.000	26.547.500.000
<b>Cộng</b>	<b>209.681.962.515</b>	<b>(386.372.917)</b>	<b>231.278.818.457</b>	<b>(386.372.917)</b>	<b>209.295.589.598</b>	<b>230.799.075.444</b>

### *Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Vay và nợ	14.187.197.740	4.093.527.934	14.187.197.740
Phải trả người bán	79.126.649.745	87.284.855.314	79.126.649.745	87.284.855.314
Các khoản phải trả khác	3.642.117.221	6.244.616.319	3.642.117.221	6.244.616.319
<b>Cộng</b>	<b>96.955.964.706</b>	<b>97.622.999.567</b>	<b>96.955.964.706</b>	<b>97.622.999.567</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, vay và nợ, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bê tông Becamex đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Bình Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2016

  
Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thúy Vân  
Kê toán trưởng

  
Nguyễn Hồng Tuyên  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100,000,000,000	1,527,143,181	9,055,511,950	47,805,156,246	25,549,192,919	183,937,004,296
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	5,982,610,898	5,982,610,898
Chia cổ tức trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-
Trích lập các quỹ trong kỳ trước	-	-	-	-	(978,885,582)	(978,885,582)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>100,000,000,000</b>	<b>1,527,143,181</b>	<b>9,055,511,950</b>	<b>47,805,156,246</b>	<b>30,552,918,235</b>	<b>188,940,729,612</b>
Số dư đầu năm nay	100,000,000,000	1,527,143,181	9,055,511,950	52,868,558,513	36,546,304,379	199,997,518,023
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	37,768,507,568	37,768,507,568
Chia cổ tức trong kỳ này	-	-	-	-	(25,000,000,000)	(25,000,000,000)
Trích lập các quỹ trong kỳ này	-	-	-	407,331,368	(4,696,058,984)	(4,288,727,616)
Trích thù lao HĐQT và Ban kiểm soát trong kỳ này	-	-	-	-	(96,439,166)	(96,439,166)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>100,000,000,000</b>	<b>1,527,143,181</b>	<b>9,055,511,950</b>	<b>53,275,889,881</b>	<b>44,522,313,798</b>	<b>208,380,858,810</b>

Hình Duyệt, ngày 04 tháng 02 năm 2016



Nguyễn Hồng Tuyền  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thủy Vân  
Kế toán trưởng

Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÉ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D\_3\_CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Đơn vị tính: VND					
	Lĩnh vực kinh doanh thành phẩm	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Lĩnh vực sản xuất đá	Các khoản loại trừ	Cộng
Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:						
Kỳ này						
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	23,306,220,952	91,059,065,818	1,177,179,582	10,011,237,032	(551,010,416)	125,002,692,968
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>23,306,220,952</b>	<b>91,059,065,818</b>	<b>1,177,179,582</b>	<b>10,011,237,032</b>	<b>(551,010,416)</b>	<b>125,002,692,968</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	16,486,846,506	73,913,956,629	802,400,069	5,880,285,102	(617,797,468)	96,465,690,838
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	6,819,374,446	17,145,109,189	374,779,513	4,130,951,930	66,787,052	28,537,002,130
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						(10,201,421,554)
Doanh thu hoạt động tài chính						18,335,580,576
Chi phí tài chính						78,569,193
Thu nhập khác						(1,644,236,082)
Chi phí khác						291,248,869
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(101,089,506)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						(1,612,632,926)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>15,347,440,124</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>697,260,142</b>	<b>3,700,818,502</b>	-	<b>2,428,061,111</b>	-	<b>6,826,139,755</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>855,631,304</b>	<b>1,148,219,541</b>	-	<b>3,593,780,291</b>	-	<b>5,597,631,136</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX**

Địa chỉ: Lô D-3-CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, thị trấn Mỹ Phước, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Đơn vị tính: VND	
Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:		
<b>Kỳ trước</b>		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	28,559,783,199	1,182,843,346
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>28,559,783,199</b>	<b>1,182,843,346</b>
	21852548512	868868366
	6,707,234,687	313,974,980
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	-
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-
Chi phí tài chính	-	-
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>206,197,545</b>	<b>206,197,545</b>
	-	-
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2,731,691,446</b>	<b>1,097,442,537</b>
	-	-
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>3,829,133,983</b>	<b>3,829,133,983</b>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

  
**Văn Thị Anh Đào**  
 Người lập biểu

  
**Nguyễn Thị Thủy Vân**  
 Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2016  
  
**Nguyễn Hồng Tuyên**  
 Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX

Địa chỉ: Lô D\_3\_CN, đường N7, khu công nghiệp Mỹ Phước, phường Mỹ Phước, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực kinh doanh công thành phẩm, CKDS	Lĩnh vực thi công công trình	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hàng hóa	Đã thành phẩm	Các khoản loại trừ	Cộng
<b>Số cuối kỳ</b>						
Tài sản trực tiếp của bộ phận	34,831,310,363	125,690,891,808	405,437,265	106,477,696,764	(1,235,645,767)	266,169,690,433
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	77,049,407,439
<b>Tổng tài sản</b>	8,904,456,433	51,430,348,066	-	18,335,567,847	(1,235,645,767)	77,434,726,579
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	32,346,979,754
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	109,781,706,332
<b>Số đầu năm</b>	35,822,038,737	127,001,602,936	93,784,931	90,837,449,559	(353,313,046)	253,401,563,117
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	82,028,170,875
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	335,429,733,992
<b>Tổng tài sản</b>	3,641,762,023	59,501,825,740	-	16,631,958,862	(353,313,046)	79,422,233,579
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-	31,901,127,678
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	111,323,361,257
<b>Tổng nợ phải trả</b>	-	-	-	-	-	-

  
Văn Thị Anh Đào  
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Thủy Vân  
Kế toán trưởng

  
CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG BECAMEX  
TX. BẾN CÁT - TỈNH BÌNH DƯƠNG  
M.S.Đ. N.3.17.0092B1  
Bình Dương, ngày 04 tháng 02 năm 2016  
Nguyễn Hồng Tuyền  
Tổng Giám đốc